

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: **01/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/01/2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Việt

2. Ông Đỗ Minh Tân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 406/2018/TLST- HNGĐ ngày 10/12/2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/01/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Thị H, sinh năm 1989

Bị đơn: Phạm Tuấn E, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: khóm Phú Hưng, thị trấn Cái Tàu H, huyện C, tỉnh ĐT.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 16/11/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh Tuấn E tổ chức cưới và chung sống với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn chị H và anh Tuấn E chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì anh Tuấn E ghen tuông nghi ngờ chị H có người đàn ông khác bên ngoài nên không cho chị sử dụng điện thoại liên lạc với gia đình. Vì vậy, nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 9/2018 cho đến nay. Hiện nay chị H không còn tình cảm với anh Tuấn E nên yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Tuấn E.

- Về con chung: có 02 con chung Phạm Bảo Tr, sinh ngày 27/01/2011 và Phạm Tấn L sinh ngày 29/4/2014 (Tấn L sinh sống với chị H còn Bảo Tr thì sống với anh Tuấn E). Chị H yêu cầu được nuôi Tấn L và Bảo Tr không yêu cầu anh Tuấn E cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Tuấn E trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Tuấn E và chị H chung sống với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn anh và chị H chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác bên ngoài nên thường nhắn tin trên điện thoại, anh có khuyên nhiều lần nhưng chị H không thay đổi nên chị H không sống chung với anh từ tháng 9/2018 cho đến nay. Hiện nay anh vẫn còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 02 con chung như chị H trình bày, anh Tuấn E yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về việc xét xử sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thị H.

- Về con chung: Căn cứ Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình

Giao cháu Phạm Tấn L, sinh ngày 29/4/2014 cho chị Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao cháu Phạm Bảo Tr, sinh ngày 27/01/2011 cho anh Phạm Tuấn E nuôi dưỡng.

Chị H và anh Tuấn E không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xen xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa chị Thị H với anh Phạm Tuấn E là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp và sinh sống tại huyện Châu Thành nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu

Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Thị H và anh Phạm Tuấn E được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh Tuấn E cho rằng chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác bên ngoài nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay.

Tại phiên tòa chị H xác định không còn tình cảm với anh Tuấn E nên yêu cầu được ly hôn. Anh Tuấn E thì cho rằng vẫn còn tình cảm với chị H nên yêu cầu Tòa án xem xét để vợ chồng anh đoàn tụ.

Xét thấy, từ khi chị H và anh Tuấn E không sống chung với nhau cho đến nay, anh Tuấn E cũng không có giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ lại. Tại phiên tòa chị H vẫn cương quyết ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị H với anh Tuấn E đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Thị H được ly hôn với anh Phạm Tuấn E.

[2.2]. Về nuôi con chung: chị H và anh Tuấn E đều yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi chị H và anh Tuấn E sống ly thân với nhau cho đến nay, cháu Tấn L sinh sống với chị H và cháu Bảo Tr sinh sống với anh Tuấn E, cuộc sống của các cháu đã ổn định, Bảo Tr có nguyện vọng được sống với anh Tuấn E. Theo bản xác nhận mức lương do chị H và anh Tuấn E cung cấp thì cả chị H và anh Tuấn E đều có đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, để đảm bảo buộc sống của các cháu được ổn định, cũng như xem xét đến nguyện vọng và quyền lợi của các cháu khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu Tấn L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Bảo Tr cho anh Tuấn E nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị H và anh Tuấn E không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

[2.4]. Về án phí: chị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự .

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về hôn nhân:* Chị Thị H được ly hôn với anh Phạm Tuấn E.

2. *Về nuôi con chung:*

Giao cháu Phạm Tấn L sinh ngày 29/4/2014 cho chị Thị H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn (chị H đang nuôi con).

Giao cháu Phạm Bảo Tr, sinh ngày 27/01/2011 cho anh Tuấn E trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn (anh Tuấn E đang nuôi con).

Chị H và anh Tuấn E không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị H và anh Tuấn E được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

Các thành viên trong gia đình của chị H và anh Tuấn E không được cản trở chị H và anh Tuấn E đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* không có nên không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* chị Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp ngày 10/12/2018 theo biên lai số 03693 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành sẽ được chuyển thành án phí chị H phải nộp, chị H đã nộp xong án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát ND huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án DS H. Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Thiêm